

MOTIF SẴN BẮT TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN HUY THIỆP

NGUYỄN VĂN THUẤN

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: nguyenvanthuan@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Trong văn học Việt Nam sau 1975, Nguyễn Huy Thiệp được công nhận rộng rãi là “vua truyện ngắn”. Bài viết này phân tích motif sẵn bắt trong tác phẩm của ông. Sẵn bắt vừa là motif cốt truyện vừa là motif chủ đề, vừa mang tính hình thức vừa mang tính tư tưởng. Thông qua motif này, mối quan hệ cộng sinh và những lựa chọn luân lý tinh tế, phức tạp giữa người và vật, đàn ông và đàn bà, kẻ mạnh và kẻ yếu, vinh quang và điếm nhục, tự nhiên và văn hóa, thiện và ác... được ông biểu đạt đặc sắc.

Từ khóa: Nguyễn Huy Thiệp, motif sẵn bắt, giới, tự nhiên, văn hóa, lựa chọn luân lý.

1. MỞ ĐẦU

Motif là thuật ngữ dùng để chỉ những thành tố bền vững, lặp đi lặp lại trong các tác phẩm văn học của một nhà văn, hoặc trong nhóm các tác phẩm cùng một thể loại, một khuynh hướng, trường phái hoặc một thời kỳ văn học nhất định. Motif thường được hiểu là đơn vị nhỏ nhất của cốt truyện hoặc là chủ đề vĩnh cửu của văn học. Khi motif là đơn vị nhỏ nhất của cốt truyện, giới nghiên cứu quen gọi là *motif cốt truyện*. Khi motif là chủ đề vĩnh cửu thì được gọi là *motif chủ đề* hay *chủ đề trở đi trở lại*. Tên gọi các motif văn học rất ngắn gọn, thường chỉ gồm một vài từ hoặc có cấu trúc bền vững kiểu như thành ngữ. Nó biểu trưng cho những ý tưởng trừu tượng được cụ thể hóa thành các sự kiện, hình ảnh, ngôn từ lặp đi lặp lại trong tác phẩm văn học như *lưu đày, du hành, thử thách, tội ác và trừng phạt, di ghê con côi, đội lốt, anh hùng, loạn luân, tình yêu, thù hận*... Đối với người sáng tác, các motif trở thành những vật liệu có sẵn để họ lắp ghép hoặc dựa vào đó mà thiết kế mô hình cốt truyện, nhân vật, chủ đề, không - thời gian. Các motif khảm vào tâm trí công chúng độc giả, hình thành ở họ một kho ký ức tập thể về những khuôn mẫu bền vững, lặp đi lặp lại trong văn học, giúp họ phỏng đoán khi đọc và đôi khi ngạc nhiên, hồi hộp, thú vị về các phỏng đoán của mình. Những khuôn mẫu này chỉ trở nên rõ ràng, sống động và “mang tính toàn vẹn thẩm mỹ” khi độc giả nhận ra vết tích của chúng ở văn bản văn học cụ thể rồi kết nối vào mạng lưới tác phẩm văn học có cùng khuôn mẫu (xem [6], [7], [8]). Với ý nghĩa đã xác định như thế, sẵn bắt vừa là motif cốt truyện vừa là motif chủ đề trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp.

Bài báo của chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận liên văn bản, phương pháp phân tích diễn ngôn, phương pháp liên ngành... nhằm phân tích, diễn giải motif sẵn bắt trong một số truyện kể của Nguyễn Huy Thiệp. Về cơ bản, qua motif này, nhà văn biểu đạt khí chất nam nhi, nữ nhi gắn chặt với hành trình trải nghiệm và nhận thức về lẽ sống cộng sinh và những lựa chọn luân lý, đạo đức theo tinh thần sinh thái nhân văn hiện đại.

2. NỘI DUNG

Trong mọi nền văn hóa, săn bắt là một công việc, quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của đàn ông. Nó là nơi thể hiện sức mạnh, lòng dũng cảm, trí thông minh, bản lĩnh, năng lực sáng tạo thế giới của đàn ông. Cung tên, gậy, súng là công cụ mà nhân vật nam dùng để đi săn, chúng đều là biểu tượng cho nam tính, là các dạng hình thù khác nhau của dương vật. Nơi sống của thú vật bị săn đuổi là rừng, thung lũng, khe núi, hang hốc,... là biểu tượng của âm vật và tử cung, thuộc về giới nữ. Người đàn bà không đi săn mà thụ động “ở nhà nhóm lửa chờ đợi” những người chồng mang chiến lợi phẩm từ cuộc săn bắt trở về. Vì thế, môi trường hoạt động của đàn ông thường sống động, xa lạ, nguy hiểm, đối lập với môi trường hoạt động của người đàn bà thường tĩnh tại, quen thuộc, nhàm chán. *Muối của rừng, Chạy đi sông ơi, Những người muôn năm cũ, Những ngọn gió Hua Tát* là những truyện ngắn tiêu biểu cho motif săn bắt trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp.

2.1. Motif săn bắt và hành trình về với tự nhiên

Muối của rừng kể về chuyến đi săn khi của ông Diều. Vào một ngày xuân, “rừng xanh ngắt và âm ướt”, “thiên nhiên trang trọng và tình cảm”, vì được con trai tặng một cây súng săn, ông Diều quyết vào rừng săn khi. Ông tìm thấy một gia đình khi đang đi kiếm ăn cùng bầy đàn và nổ súng bắn bị thương con khi đực. Con khi cái và đứa con nhỏ của nó cố làm mọi cách để giải cứu con khi đực, vì thế ông Diều bị mất súng và kiệt sức. Lượng sức mình không mang nổi con khi đực bị thương ra khỏi rừng, Ông Diều băng bó vết thương, “phóng sinh” cho con khi đực và trần trồng ra về. Ra đến bìa rừng, ông “sững sờ” trước bạt ngàn hoa tử huyền, loài hoa ba mươi năm mới nở một lần, “đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc”.

Người thợ săn và con thú là motif không mới lạ trong văn học thế giới, đặc biệt trong thể loại truyện cổ tích. Truyện *Người đi săn và con vượn* của Lép-tôn-xtôi (in trong Sách giáo khoa tiếng Việt 3) là một truyện kể ngắn đáng nhớ đối với học sinh tiểu học. Tuy nhiên, khác với nhiều văn bản tương tự nhấn mạnh chủ đề đạo đức, sự sám hối, hướng thiện, hành trình đi săn khi của ông Diều là hành trình nhận thức, đi từ thiên kiến về các quan hệ đối kháng đến nhận thức về các quan hệ tương hỗ giữa con đực và con cái, chiến thắng và thất bại, tự nhiên và văn hóa. Chẳng hạn, đầu cuộc săn, ông Diều ngẫm nghĩ về khi đực/khi cái như những giới đối kháng loại trừ nhau: “Cái thằng bố ô trọc ấy! Đồ phong tình phóng đảng! Vị gia trưởng cộc cằn! Nhà lập pháp bản thiêu! Tên bạo chúa khốn nạn!”; “Ông nhìn thấy con khi canh gác là con khi cái. Thế là thuận lợi rồi. Bởi giống cái bao giờ cũng dễ phân tâm. Đấy, thấy chưa? Đang canh gác mà đi bắt rận ở người thì còn gì nữa? Với giống cái thì thân thể mình là quan trọng nhất. Điều ấy thật giản dị và đẹp. Nhưng điều ấy lại đầy xót xa”. “Đầy xót xa” có lẽ vì, cái đẹp giản dị ấy làm sao chống chọi được sức mạnh “ô trọc”, “phóng đảng”, “cộc cằn”, “bản thiêu”, “khốn nạn”! Gần cuối cuộc săn, ông Diều nhận ra sự tương đồng giữa người và khi; sự liên thuộc giữa tự nhiên và văn hóa, mối quan hệ tương hỗ giữa kẻ thống trị và bị trị, con đực và con cái; sự nhận thức về gánh nặng, trách nhiệm chung của loài mà tự nhiên ban tặng cho mỗi cá thể không phân biệt đực cái khi cùng quần cư trong một ngôi nhà - sinh thái chung.

Ra đi bằng hành trang văn hóa/văn minh và tâm thế muốn thống trị tự nhiên bằng bạo lực, ông Diều đã về đích bằng việc khước từ toàn bộ các đặc tính đàn ông/kẻ thống trị/văn hóa/văn minh để hòa nhập với các đặc tính đàn bà/kẻ bị trị/tự nhiên. Người đàn ông này đã tìm thấy vị trí của mình trong ngôi nhà - sinh thái chung. Đó không phải là vị trí của kẻ thống trị bằng sức mạnh súng đạn và lí trí, đó cũng không phải là vinh quang giành được sau chiến thắng chinh phục tự nhiên mà tìm được sau thất bại và thỏa hiệp với Mẹ - Tự nhiên vĩ đại. Hình ảnh ông Diều trần truồng, “nồng nồng” mà đi trong mưa xuân âm ướt, giữa muôn vàn hoa tử huyền nở, tràn trề hi vọng vào tương lai là một hình ảnh đẹp. Nó biểu trưng cho hành trình trở về với thiên nhiên của con người: muốn hòa hợp với tự nhiên, con người phải biết từ bỏ ý thức bá quyền, bá đạo với thiên nhiên.

2.2. Motif săn bắt và việc vươn lên làm người chân chính

Trong chùm truyện *Những ngọn gió Hua Tát*, bài học sau chuyện săn bắt thường là bài học về sự vươn lên làm người chân chính. Đó là bài học từ câu chuyện của ông Nhân khi bị “sói trả thù”. Ông Nhân và phường săn của mình đã phô diễn sức mạnh tàn bạo trước bầy sói “khôn ngoan”, “kiêu hãnh”, “độc ác”, “muu mẹo”, dồn đuổi, tiêu diệt cả bầy sói, kể cả con đầu đàn đã trốn chạy “đến tận cùng hang”. Ông Nhân đã giết được con sói đầu đàn tinh khôn nhất, bắt được con sói con đẹp nhất mang về nuôi cùng chó nhà. Con sói con được nuôi lớn trong lạnh lẽo, nghi kỵ, cuối cùng đã bất ngờ cắn chết San, đứa con trai độc nhất của ông. Chứng kiến cái chết “kinh người”, đau đớn cùng cực nhưng ông Nhân không trả thù hay truyền thù như cách của con sói đầu đàn đã làm: ông chém đứt tung sợi dây xích sắt, thả sói về rừng, để nó về với tự nhiên. Hành động “chém vào sợi dây xích sắt” mang nghĩa biểu tượng: chém đứt chuỗi oan oan tương báo, khẳng định ý chí tự do của con người khi hướng về điều thiện, để con người thực sự là *người nhân* như tên của nhân vật. Ông Nhân đã chấp nhận thua cuộc, bù lại, ông đã thắng được tính *ác*, chiến thắng cái bản năng muốn đàn áp, hủy diệt, trả thù trong con người mình. Chiến thắng chính mình, vươn lên làm *người nhân* đúng nghĩa là chiến thắng vĩ đại nhất của ông Nhân trong cuộc đời. Đây là ý nghĩa chủ đạo từ motif cốt truyện và thể giới hình tượng mà nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đã khéo léo sắp đặt.

2.3. Motif săn bắt và sự phù du của vinh quang

Đối với Khó trong *Trái tim hổ*, bài học sau chuyện săn bắt là sự phù du của vinh quang. Chàng Khó đã săn được hổ dữ, con vật tinh khôn hung hiểm mà các phường săn khác bắt lợc. Săn hổ là một nghi thức trưởng thành, trái tim hổ cũng như nòng Pù là phần thưởng cho người chiến thắng. Nhưng cũng như ông lão Santiago trong tiểu thuyết *Ông già và biển cả* của Ernest Hemingway, Khó không bao giờ được thụ hưởng kết quả của chiến thắng, của vinh quang. Trái tim hổ “là bùa hộ mệnh, cũng là vị thuốc thần”, có khả năng kỳ diệu mang lại “may mắn và giàu sang suốt cả cuộc đời” đã bị kẻ giấu mặt đánh cắp ngay khi Khó nổ súng giết chết hổ. Trái tim hổ bị đánh cắp, Pù không được cứu chữa, nổi hổ thẹn, nhục nhã, căm giận, chua xót đê nặng trái tim Khó và trai bản Hua Tát. Khó đã tham dự cuộc săn, đã săn được hổ dữ mà vẫn thất bại ê chề. Khó thất bại, vì sự gian tham hèn hạ của lòng người hóc hiểm, khó đoán hơn cả đường đi của con hổ tinh khôn nhất. Chiến thắng và thất bại của chàng có giá trị thức tỉnh cộng đồng, bởi thành quả càng lớn càng rất dễ bị đánh cắp, bởi vinh quang nào mà chẳng gắn cận với

sự phù du, cay đắng, nhục nhã.

Tương tự như thế, Bường và nhóm thợ xẻ trong truyện *Những người thợ xẻ* đã đánh bại con gấu ngựa to lớn. Bường rạch cổ nó lấy túi mật buộc dây đeo lưng lẳng ở cổ rồi cả nhóm thợ xẻ khiêng con gấu ngựa về nhà anh Chinh chị Thục liên hoan. Nhờ thế, cả xóm nông trường được một đêm rượu với thịt gấu vui như hội... Nhưng Nguyễn Huy Thiệp đâu chỉ say sưa viết về chiến thắng và vinh quang của đám thợ xẻ, ông viết về trải nghiệm rất riêng của những người được coi là người hùng ngay sau chiến thắng như sau: “Sau mấy lần giã, con gấu chết hẳn. Cả bốn chúng tôi mệt lả, bủn rủn hết cả chân tay. Anh Bường mặt mũi tái mét, há miệng cười như mếu. Sau này tôi đã chứng kiến rất nhiều nụ cười chiến thắng ở nhiều trường hợp khác nhau, tất cả những nụ cười ấy cũng đều như mếu, bao giờ điều ấy cũng gây cho tôi nỗi sợ hãi và cảm động khôn lường...” (*Những người thợ xẻ*).

Chiến thắng và vinh quang thuộc về đám đông. Chiếm nghiệm sự thất bại thì của riêng mình. Đây là bài học đau đớn mà Chương nhận ra sau chiến thắng/chiến bại trên/dưới sỏi vật. Tiếng trống thúc dòn dập, tiếng reo hò, cổ vũ cuồng nhiệt, âm ỉ của đám đông cho chiến thắng của Chương trên sỏi vật với đô Tiến, đô Nhiêu, đô Thi chưa dứt anh đã kịp nhận ngay trận đòn thù đê tiện của bọn họ trên bãi sông buổi chập choạng tối. Tiếng reo hò của đám đông giữa thanh thiên bạch nhật chóng tàn như ráng chiều, chỉ còn lại lời thủ thi trong nước mắt của người mẹ nghèo, người đàn bà xa lạ với sự bất ổn và không dễ để bị lừa phỉnh vào trò chơi tìm kiếm vinh quang của đàn ông: “Chương ơi, con ra tranh hơn thiên hạ làm gì? Mang thân mua vui cho người có nhục không con” (*Con gái thủy thần*).

Buộc phải chiến đấu, buộc phải chiến thắng, buộc phải mang về vinh quang, những vinh quang có phần cưỡng bách, người đàn ông được kính ngưỡng như một anh hùng nhưng dễ rơi ngay vào điểm nhục, bị thương hại thêm một lần nữa. Chiến thắng và vinh quang thuộc về đám đông ồn ào, âm ỉ; thuộc về khán đài và quảng trường. Những chiêm nghiệm về thất bại và điểm nhục lặng lẽ, buồn bã, tê tái, bởi nó bao giờ cũng thuộc về không gian cá nhân, riêng tư. Như Hemingway đã trình hiện rất độc đáo trong tác phẩm *Hạnh phúc ngắn ngủi của Francis Macomber*, ở Nguyễn Huy Thiệp, vinh quang và điểm nhục là bạn đồng hành, trong mọi say sưa chiến thắng ông không quên nhắc nhở người đàn ông đừng quên màu sắc vàng vố của nỗi điểm nhục ê chề.

2.4. Motif săn bắt và thân phận bên lề của người phụ nữ

Với các cuộc săn, người đàn bà bị gạt sang bên lề. Không có nhân vật nữ đồng hành cùng ông Diều, Khó trong *Muối của rừng*, *Trái tim hổ*. Nếu có người nữ, thì thường họ ở phía cản trở cuộc săn hoặc bị đồng nhất với con mồi. Đó là vị thế của bà An, chị Thẩm, người vợ âm thầm của gã thợ săn trong các truyện *Những người muôn năm cũ*, *Cháy đi sông ơi*, *Con thú lớn nhất*. Các nhân vật nữ thường làm những việc hèn mọn như đào củ, dệt vải, bắt dế, bắt châu chấu, nấu ăn, rửa bát, chèo đò (Quy đưa thức ăn, nàng Sinh đào củ mài, bà An đào măng, cô gái Mừng dệt thổ cẩm, Thẩm chèo đò...). Họ quần quanh với bếp núc, ngôi nhà, mảnh vườn, cánh đồng, bến sông quê thân thuộc. Vượt xa hơn lãnh thổ này, chuyển di vào lãnh địa cấm kị, nơi săn bắt của đàn ông, họ bị

nhằm lẫn với con mồi, với con thú bị săn đuổi. Đó là sự nhầm lẫn của gã thợ săn “bắn chết một con công đang múa” trong *Con thú lớn nhất*, cũng là sự nhầm lẫn của Thịnh “con” trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh: “Một hôm, Thịnh “con” ở tiểu đoàn 1 đã liều mò tới đây và giữa tro tàn của ngôi làng, đã bắn chết một con vượn rất to, phải bốn người mới khiêng nổi con thú về chỗ lán của đội trinh sát. Nhưng lạ Chúa tôi, đến khi ngã nó ra, cạo sạch được bộ lông thì ôi giời đất ôi, con vật hiện nguyên hình một mu đàn bà béo xê, da sùi lở nửa xám nửa trắng hếu, cặp mắt trợn ngược. Cả lũ bọn Kiên thất kinh, rú lên, ù té, quăng tiệt nổi niêu dao thót” [12, tr.9]. Trên bề mặt văn bản, sự nhầm lẫn chết người này là do cơ thể đàn bà bị che đậy bởi bề ngoài lông lá sùi lở. Ở bề sâu, mà nhiều hình tượng và sự kiện của tiểu thuyết sẽ cho thấy, sự nhầm lẫn này có tính tất yếu, bởi chiến tranh làm mờ nhòe mọi ranh giới.

Không phải ngẫu nhiên mà trong *Con thú lớn nhất*, *Nỗi buồn chiến tranh* có sự kiện nhân vật nam nhầm lẫn phụ nữ với khi/vượn khi đi săn. Trong huyền thoại về đàn bà mà Beauvoir đã phân tích (xem [1], [2]), người nam đồng nhất đàn bà với cỏ mẫu Đất, Nước, Biển và toàn thể Tự nhiên. Đàn bà trở thành *cái Khác* tuyệt đối và vì thế trở thành đối tượng để đàn ông ham muốn, khám phá, chinh phục, sáng tạo và hủy diệt. Bởi thế, tâm điểm của tình huống nhầm lẫn giữa người và vượn là thân xác đàn bà béo xê chứ không phải là người đàn bà mảnh mai hoặc là một gã đàn ông sần sùi bụng bự hay rắn chắc, cường tráng. Từ vô thức, đàn bà là con mồi của đàn ông. Trong tiếng Việt, những từ như *săn đuổi*, *săn đón*, *săn gái* đã được dùng một cách tự nhiên để nói về việc người đàn ông tìm kiếm bạn tình như người thợ săn tìm kiếm con mồi. Những từ ấy, cũng như từ *chinh phục*, đã được mọi người đón nhận tích cực với thái độ đồng lõa. Đối với đàn ông, săn đuổi, chinh phục phụ nữ là một hoạt động sống tất yếu. Motif săn bắt thường gắn bó song đôi với motif săn đuổi, quấy rối và cưỡng chiếm phụ nữ. Nó xuất hiện trong nhiều tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp: *Bờ cõi cương bức Quy (Những người thợ xé)*, *Đoài quấy rối, sầm sỡ chị dâu (Không có vua)*, *Hạnh cường đoạt bà Thiều (Huyền thoại phố phường)*, *người bố cưỡng bức con gái (Tội ác và trừng phạt)*, *Tôi cưỡng bức cô gái Mường (Thỏ cảm)*, *Tôi sầm sỡ thiếu phụ tên Hương trên đò (Chút thoáng Xuân Hương)*, *tay thanh niên Duệ Đông “dí chim vào đít cái Lược” khi xem diễn chèo (Những bài học nông thôn)*, *Chiều, Phong lừa gạt, cưỡng đoạt nhiều phụ nữ (Giọt máu)*... Motif này là sự thể hiện cụ thể, sống động chủ đề săn bắt và chinh phục tự nhiên trong nghệ thuật của Nguyễn Huy Thiệp. Tất nhiên, đây là biểu hiện của sự tha hóa nam tính, vốn bắt rễ rất sâu từ hoạt động săn bắt của đàn ông.

Tình huống nhầm lẫn trong tiểu thuyết của Bảo Ninh và truyện của Nguyễn Huy Thiệp dẫn ta đến với huyền thoại về giới nữ. Như nhân vật Tú Xương đã ngẫm nghĩ trong *Thương cả cho đời bạc*: “Những con thú mạnh biểu hiện/Những con thú yếu kêu gọi...”. Như cách nhà văn đã thể hiện sống động trong *Huyền thoại phố phường*, *Con gái thủy thần* (truyện thứ 3), *Quý ở với người*, *Cái chết được che đậy*, với đàn bà, trang phục nhằm để quyến rũ, kêu gọi, tán dương thân thể; với đàn ông, trang phục phô bày địa vị xã hội. Tại sao vợ gã thợ săn lại trang trí bằng thứ mũ lông chim trong khi đón đợi chồng khiến y nhầm lẫn vợ mình với một con thú? Rõ ràng, trong hoàn cảnh bất thường của chiến tranh (Bảo Ninh) hoặc trong tình trạng hỗn loạn xã hội, khủng hoảng

đạo đức (Nguyễn Huy Thiệp), cái bề ngoài được che đậy và kiểm soát làm rối nhiễu việc nhận thức cái bề trong. Nó cũng phản ánh, cảnh tỉnh thói đời quen đánh giá con người qua quần áo nhà xe nên dễ nhầm lẫn (*Chút thoáng Xuân Hương, Huyền thoại phố phường*). Nào ai biết sự “tàn bạo trong chính sự ngây thơ trong trắng” (*Những người thợ xé*)? Nào ai hiểu “trên đời có rất nhiều thứ lão khoét được trang sức rực rỡ bề ngoài” (*Con gái thủy thần*)? Như Guy de Mausspassant đã hình tượng hóa qua các cốt truyện xoay quanh món đồ nữ trang và, như Bourdieu đã phân tích bằng nhiều lí lẽ, dẫn chứng và lập luận, xã hội càng văn minh, con người càng giỏi che đậy [3]. Tướng Thuấn chắc chắn mù lòa nếu cô con dâu chủ động khéo léo che mắt ông việc “kinh doanh chó” bằng rau thai nhi. Như vở kịch *Cái chết được che đậy* đã phơi bày, xu hướng xã hội văn minh chấp nhận che đậy, chấp nhận nguy trang khiến người đàn ông bị giảm giá trị tương trưng, nhất là sức mạnh lý trí, tư duy phân tích mà anh ta được chú trọng đào luyện. Cô con gái của bà An trong *Những người muôn năm cũ* đã được Doanh phân tích thấu đáo, chính xác nhưng lời của anh ta đã không được lắng nghe. Điều tương tự cũng diễn ra đối với những phân tích xã hội và đạo đức sắc sảo, triệt để, tàn nhẫn trắng trợn của Đoàn (*Quý ở với người*). Nói cách khác, năng lực thợ săn của đàn ông, cái năng lực truy tìm, săn đuổi con vật từ các dấu vết do chúng để lại, nghĩa là cái năng lực phân tích thuần lý trí được đào luyện xưa nay đang trở nên bị thách thức. Quả thực, sức mạnh lý trí và năng lực phân tích, phán đoán dựa vào các dữ kiện thực chứng sẽ chẳng tới đâu nếu không được đạo đức dẫn dắt. Cả Hạnh, Doanh và Đoàn đều nắm chắc sức mạnh lý trí. Chủ nghĩa duy lý tàn nhẫn trắng trợn mà họ yêu chuộng đã thiêu đốt họ. Trong xã hội “loạn cờ”, Đoàn không đủ nguồn lực nuôi dưỡng ý chí hướng về sự lương thiện, không đủ năng lực kiểm soát bản thân, vừa thả cửa cho con lợn bản năng dẫn dắt vừa thả cửa cho con quỷ lý tính tung hoành không giới hạn. Như một cái bẫy của số phận đàn ông trong tương quan liên thuộc với đàn bà, “con thú lớn nhất” chẳng phải là “con thú lớn ba bốn tạ thịt” sống trong rừng mà là con thú được nuôi dưỡng trong thân xác con người, trong kỳ vọng mù lòa của gã đàn ông và sự mong đợi ma quỷ của người đàn bà (*Con thú lớn nhất*). Tiếng nói của Nguyễn Huy Thiệp đã gập gờ thông điệp của Hemingway qua câu chuyện về hạnh phúc ngắn ngủi của nhân vật Francis Macomber. Điều đó có nghĩa là, người đàn ông trong khi thể hiện sức mạnh chinh phục, thuần hóa, làm chủ tự nhiên, gạt người đàn bà sang bên lề qua hành động săn bắt thì anh ta cũng bị tự nhiên phản kháng, lừa mị, khuất phục. Đây vừa là chiến thắng vừa là thất bại, cũng là tính hai mặt tất yếu của thân phận làm người.

3. KẾT LUẬN

Trong văn học Việt Nam sau 1975, Nguyễn Huy Thiệp được thừa nhận là “vua truyện ngắn”, một nhà văn đẳng cấp quốc tế. Nam giới trong sáng tác của ông kiến tạo và trình hiện bản sắc giới qua hoạt động săn bắt động vật và sàm sỡ, cưỡng chiếm phụ nữ. Từ motif này, Nguyễn Huy Thiệp đã tương đối hóa, giảm trừ và hủy kiến tạo đối kháng đàn ông/đàn bà trong diễn ngôn ý thức hệ tập thể; bổ sung, làm phong phú, đầy đặn mối quan hệ liên thuộc bí ẩn giữa đàn ông và đàn bà. Có thể nói, thông qua motif săn bắt, Nguyễn Huy Thiệp đã trình hiện thật đặc sắc chủ đề giới phái, giới tính gắn với bối cảnh sinh thái, hành trình trải nghiệm và lựa chọn luân lý của con người hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Beauvoir S. (1996a). *Giới nữ*, tập 1, Nguyễn Trọng Định và Đoàn Ngọc Thanh dịch, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [2] Beauvoir S. (1996b). *Giới nữ*, tập 2, Nguyễn Trọng Định và Đoàn Ngọc Thanh dịch, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [3] Bourdieu P. (2017). *Sự thống trị của nam giới*, Lê Hồng Sâm dịch, NXB Tri thức.
- [4] Dournes J. (2018). *Rừng, đàn bà, điên loạn*, Nguyễn Ngọc dịch và giới thiệu, NXB Tri thức, Hà Nội.
- [5] Chevalier J. Gheerbrant A. (1997). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Phạm Vĩnh Cư, Nguyễn Xuân Giao, Lưu Huy Khánh, Nguyễn Ngọc, Vũ Đình Phòng, Nguyễn Văn Vỹ dịch, Trường viết văn Nguyễn Du, NXB Đà Nẵng.
- [6] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên, 2004). *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Thái Hòa (2005), *Từ điển tu từ - phong cách - thi pháp học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (2004), *Từ điển văn học (Bộ mới)*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [9] Morin E. (2015). *Phương pháp (5) Nhân loại bàn về nhân loại - Bản sắc nhân loại*, Chu Tiên Ánh dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu, NXB Tri thức, Hà Nội.
- [10] Morris D. (2011). *Vườn thú người*, Vương Ngân Hà dịch, NXB Dân trí, Hà Nội.
- [11] Nhiều tác giả (2001). *Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp*, Phạm Xuân Nguyên sưu tầm, biên soạn, NXB Văn học, Hà Nội.
- [12] Bảo Ninh (2006). *Nỗi buồn chiến tranh*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [13] Strauss C.L. (2009). *Nhiệt đới buồn*, Ngô Bình Lâm dịch, Nguyễn Ngọc hiệu đính, NXB Tri thức, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Huy Thiệp (2003). *Tuyển tập Kịch*, NXB Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
- [15] Nguyễn Huy Thiệp (2004). *Truyện ngắn* (tái bản), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [16] Nguyễn Văn Thuận (2018). *Giáo trình Lý thuyết liên văn bản*, NXB Đại học Huế, Huế.
- [17] Nguyễn Văn Thuận (2020). *Du hành giữa các văn bản - Nguyễn Huy Thiệp và xã hội Việt Nam sau 1975*, NXB Đại học Huế.
- [18] Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017). *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

Title: THE HUNTING MOTIF IN SHORT STORIES BY NGUYEN HUY THIEP

Abstract: Among authors of post-1975 Vietnamese literature, Nguyen Huy Thiep is considered as “the King of short stories”. This paper analyzes the hunting motif in his works. Hunting is both plot and theme motif and it might unveil ideology as well as holding the role of a formalistic contribution. Owing to this motif, the relationship between man and animal, man and woman, strong and weak, glory and humiliation, nature and culture, good and evil, to name a few, have been unpacked in a special way.

Keywords: Nguyen Huy Thiep, the hunting motif, gender, nature, culture, moral choice.